

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ DỊCH VỤ VÀ THƯƠNG MẠI NHẬT ANH

CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI

1. Tên công ty

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ DỊCH VỤ VÀ THƯƠNG MẠI NHẬT ANH

Tên công ty viết bằng tiếng Anh: NHAT ANH INVESTMENT SERVICE AND TRADING JOINT STOCK COMPANY

Tên công ty viết tắt:

2. Mã số doanh nghiệp: 0108991532

3. Ngày thành lập: 18/11/2019

4. Địa chỉ trụ sở chính:

D1, 17 khu D, khu phố Geleimco L Trại Tân, Phường Dĩnh Núi, Quận Hoàng, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Điện thoại:

Fax:

Email:

Website:

5. Ngành, nghề kinh doanh:

STT	Tên ngành	Mã ngành
1.	Bán buôn mại nội địa, thị trường nội địa và phân phối	4651
2.	Bán buôn thị trường và lĩnh vực khác, và phân phối	4652
3.	Bán buôn mại, thị trường và phân phối các ngành nghề	4653
4.	Bán buôn mại, thị trường và phân phối các ngành nghề Chi tiết: - Bán buôn mại, thị trường và phân phối khai khoáng, dầu; - Bán buôn mại, thị trường và phân phối vận tải (mặt hàng vận tải, vận chuyển, vận chuyển thị trường và phân phối trong các ngành); - Bán buôn mại, thị trường và phân phối dệt may, da giày; - Bán buôn mại, thị trường và phân phối vận chuyển (trừ vận tải và thị trường nội địa);	4659(Chính)
5.	Bán buôn vận tải, thị trường và phân phối các ngành nghề Chi tiết: - Bán buôn vận tải, vận chuyển và vận chuyển; - Bán buôn vận chuyển; - Bán buôn vận chuyển, vận chuyển, vận chuyển; - Bán buôn vận chuyển; - Bán buôn vận chuyển, vận chuyển; - Bán buôn vận chuyển và vận chuyển; - Bán buôn vận chuyển kim;	4663

6.	B n bu n chu n doanh kh c ch a c ph n v o u Chi ti t: - B n bu n h a ch t kh c (tr lo i s d ng trong n ng nghi p); - Bán buôn cao su; - B n bu n t , , s i d t; - B n bu n ph li u ma m c v gi d p; - B n bu n ph li u;	4669
7.	B n bu n t ng h p	4690
8.	B n l m vi t nh, thi t b ngo i vi, ph n m m v thi t b vi n th ng trong c c c a h ng chu n doanh	4741
9.	B n l ng kim, s n, k nh v thi t b l p t kh c trong d ng trong c c c a h ng chu n doanh	4752
10.	B n l theo u c u th ng qua b u i n ho c internet (tr u gi)	4791
11.	B n l h nh th c kh c ch a c ph n v o u Chi ti t: B n l c c lo i h ng h a b ng ph ng th c kh c ch a k tr n nh : b n tr c ti p ho c chu n ph t theo a ch ; b n th ng qua m b n h ng t ng...;	4799
12.	V n t i h ng h a b ng ng b Chi ti t: Kinh doanh v n t i h ng h a b ng e t	4933
13.	Kho b i v l u gi h ng h a	5210
14.	Ho t ng h tr d ch v t i ch nh ch a c ph n v o u Chi ti t: ho t ng t v n u t (tr t v n ph p lu t, thu , ki m to n)	6619
15.	Cho thu m m c, thi t b v d ng h u h nh kh c kh ng k m ng i i u khi n Chi ti t: - Cho thu m m c, thi t b n ng, l m nghi p kh ng k m ng i i u khi n; - Cho thu m m c, thi t b d ng kh ng k m ng i i u khi n; - Cho thu m m c, thi t b v n ph ng (k c m vi t nh) kh ng k m ng i i u khi n;	7730
16.	T ch c gi i thi u v c ti n th ng m i (Kh ng th c hi n c chi u ng ch , n ; kh ng s d ng ch t n , ch t ch , h a ch t l m o c , d ng c th c hi n c ch ng tr nh v n ng h , s ki n, phim nh; Tr h p b o)	8230
17.	Ho t ng d ch v h tr kinh doanh kh c c n l i ch a c ph n v o u Chi ti t: Xu t nh p kh u c c m t h ng c ng t kinh doanh	8299
18.	o t o s c p	8531
19.	Gi o d c kh c ch a c ph n v o u Chi ti t: D v m m c	8559

6. **Vốn điều lệ:** 1.000.000.000 VNĐ

M nh gi c ph n:

7. **Số cổ phần được quyền chào bán:**

8. **Cổ đông sáng lập:**

STT	Tên cổ đông	Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức	Loại cổ phần	Số cổ phần	Giá trị cổ phần (VNĐ)	Tỷ lệ (%)	Số giấy CMND (hoặc số chứng thực cá nhân khác); Mã số doanh nghiệp; Số quyết định thành lập	Ghi chú
1	INH TH LAN H NG	S nh 11, ng 99, ng ng Ph ng H ng, Ph 7, Ph ng ng Th nh, Th nh ph Ninh B nh, T nh Ninh B nh, Vi t Nam	C ph n ph thông	24.000	240.000.000	24,000	037191001931	
			C ph n u i bi u qu t	0	0	0,000		
			C ph n u i c t c	0	0	0,000		
			C ph n u i ho n l i	0	0	0,000		
			C c c ph n u i kh c	0	0	0,000		
			T ng s	24.000	240.000.000	24,000		
2	NGUY N THÀNH PH NG	Xóm 5, Thôn Ph ng C ng, X Qu nh H i, Hu n Qu nh Ph , T nh Th i B nh, Vi t Nam	C ph n ph thông	71.000	710.000.000	71,000	034088007506	
			C ph n u i bi u qu t	0	0	0,000		
			C ph n u i c t c	0	0	0,000		
			C ph n u i ho n l i	0	0	0,000		
			C c c ph n u i kh c	0	0	0,000		
			T ng s	71.000	710.000.000	71,000		

3	NGUYỄN THÀNH LONG	Xóm 5, Thôn Phước Cường, Xã Quang Hải, Huyện Quảng Phước, Tỉnh Thái Bình, Việt Nam	Cấp huyện	5.000	50.000.000	5,000	151995542
			Cấp thị trấn	0	0	0,000	
			Cấp xã	0	0	0,000	
			Cấp thôn/bản	0	0	0,000	
			Cấp tổ dân phố	0	0	0,000	
			Cấp hộ gia đình	0	0	0,000	
			Tổng số	5.000	50.000.000	5,000	

9. Cổ đông là nhà đầu tư nước ngoài:

STT	Tên cổ đông	Chỗ ở hiện tại đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức	Loại cổ phần	Số cổ phần	Giá trị cổ phần (VNĐ; giá trị tương đương bằng tiền nước ngoài, nếu có)	Tỷ lệ (%)	Số hộ chiếu đối với cá nhân; Mã số doanh nghiệp đối với doanh nghiệp; Số Quyết định thành lập đối với tổ chức	Ghi chú
-----	-------------	--	--------------	------------	---	-----------	---	---------

10. Người đại diện theo pháp luật:

* H v t n: NGUY N TH NH PH NG

Gi i t nh: *Nam*

Chức danh: *Tổng giám đốc*

Sinh ngày: 26/07/1988

D n t c: *Kinh*

Quốc tịch: *Việt Nam*

Loại giấy tờ chứng thực cá nhân: *Thẻ căn cước công dân*

Số ghi chứng minh nhân: 034088007506

Ng c p: 04/04/2018

N i c p: *Cục cảnh sát ĐKQL cư trú và DLQG về dân cư*

N i ng k h kh u th ng tr : *Xóm 5, Thôn Phụng Công, Xã Quỳnh Hội, Huyện Quỳnh Phú, Tỉnh Thái Bình, Việt Nam*

Ch ỉ n t i: Căn hộ A1802 tòa nhà HH01A Khu đô thị mới Dương Nội, Phường La Khê, Quận Hà Đông, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

11. Nơi đăng ký: Phòng đăng ký kinh doanh Thành phố Hồ Chí Minh